

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EAKAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**Bản án số: 12/2020/DSST.**

**Ngày: 29/6/2020.**

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Luyên.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Lê Khắc Dũng.

2/. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

*- Thư ký phiên tòa:* ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar:* ông Dương Minh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:334/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019;theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14A/2020/QĐXX-ST ngày 22/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐ – HPT, ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa:

**Nguyên đơn:** ông Vũ Văn P, bà Vi Thị T ( Có mặt)

Nơi cư trú: thôn 5, xã C, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

**Bị đơn:** bà Nguyễn Thị H, ông Trần Nho Q ( Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn 2, xã E, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\*Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Văn P, bà Vi Thị T trình bày:***

Ông Vũ Văn P, bà Vi Thị T và ông Trần Nho Q, bà Nguyễn Thị H là người quen biết. Vào ngày 03/7/2017 dương lịch tức ngày 03/6/2017 âm lịch, ông P bà T có cho vợ chồng ông Q, bà H vay số tiền 40.000.000 đồng với mục đích vay để đầu tư làm ăn kinh tế, khi vay có viết giấy vay tiền ông Q, bà H đều ký vào phần người vay, thời hạn vay không ghi cụ thể, chỉ thỏa thuận khi nào cần tiền thì báo trước một tháng, lãi suất chỉ thỏa thuận miệng không ghi cụ thể. Sau đó đến ngày 14/02/2018 dương lịch tức ngày 29/12/2017 âm lịch, ông Q, bà H tiếp tục vay của ông P, bà T số tiền 100.000.000 đồng với mục đích vay để đầu tư làm ăn kinh tế khi vay có viết giấy vay tiền ông Q, bà H đều

ký vào phần người vay, thời hạn vay không ghi cụ thể, chỉ thỏa thuận khi nào cần tiền thì báo trước một tháng, lãi suất chỉ thỏa thuận miệng không ghi cụ thể phát sinh theo quy định của pháp luật. Hai lần vay tiền trên ông Q, bà H đã trả được 29.600.000 đồng tiền lãi và gốc chưa trả mặc dù ông P, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông Q, bà H thanh toán tiền gốc và lãi theo thỏa thuận khi vay tiền. Vì vậy ông P, bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu bà H, ông Q phải có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc đã vay là 140.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày vay đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm đồng thời lãi suất tính theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông P, bà T không có yêu cầu gì thêm.

**\* Bị đơn ông Trần Nho Q, bà Nguyễn Thị H** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai của họ trong hồ sơ vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 12/6/2020 Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành mở phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

#### **Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

\* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

\* Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Việc vắng mặt bị đơn: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tham gia tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

**[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:** Đơn khởi kiện của ông P, bà T đề ngày 19/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật là *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 195 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

**[3] Về nội dung vụ án:**

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn ông Vũ Văn P, bà Vi Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Trần Nho Q phải trả số tiền đã vay gốc là 140.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở pháp lý: Bởi lẽ, theo giấy vay tiền ngày 03/6/ 2017 (âm lịch) ông P, bà T cung cấp cho Tòa án có ghi nội dung *“Tôi là Trần Nho Q, vợ là Nguyễn Thị H, vợ chồng tôi có vay của a/c P T, thôn 5, xã C, Ea Kar, Đăk Lăk số tiền là 40.000.000 đồng. Khi a/c cần thì báo trước một tháng cô chú phải trả đầy đủ”* và giấy vay tiền ngày 29/12/2017 (âm lịch) có ghi *“Tôi là Trần Nho Q, vợ là Nguyễn Thị H, vợ chồng tôi có vay của anh chị P T, thôn 5, xã C, Ea Kar, Đăk Lăk số tiền là 100.000.000 đồng. Khi anh chị cần thì báo trước một tháng cô chú phải trả đầy đủ”* tại phần bên vay của hai giấy vay tiền trên đều có chữ ký, chữ viết bên vợ là Nguyễn Thị H và bên chồng là Trần Nho Q. Căn cứ kết luận giám định số 28/PC09 ngày 20/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đăk Lăk đã xác định chữ viết, chữ ký phần dưới của hai giấy vay tiền này là của bà Nguyễn Thị H, ông Trần Nho Q. Vì vậy, việc bà H, ông Q có vay của ông P, bà T tổng số tiền 140.000.000 đồng là có thật. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Bà H, ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 quy định *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị H, ông Trần Nho Q phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Vũ Văn P, bà Vi Thị T số tiền đã vay 140.000.000 đồng, là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

**[4] Về lãi suất và chi phí giám định:**

Về lãi suất: Nội dung 02 giấy vay tiền mà ông P, bà T cung cấp cho Tòa án thì các bên không ghi cụ thể lãi suất cũng như thời hạn vay tiền. Trong đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ông P, bà T đều trình bày các bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2%/tháng và ông Q, bà H đã trả được 02 lần lãi với số tiền là 29.600.000 đồng của 02 lần vay trên. Thời gian tính lãi suất nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất trong hạn tức từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong 02 giấy vay tiền các bên không thỏa thuận cụ thể lãi suất nhưng tại phần cuối của cả hai giấy vay tiền đều có ghi số tiền trả lãi cụ thể: Giấy vay tiền ngày 29/12/2017 (âm lịch) có ghi “ngày 23/8/2018 cô H trả 16 triệu lãi trước”. Giấy vay tiền ngày 03/6/2017 (âm lịch) có ghi “ngày 03/9/2018 cô H trả lãi 13.600.000 đ”. Theo nguyên đơn trình bày thì số tiền trả lãi hai ngày trên đều do nguyên đơn ghi, do vậy việc các bên khi vay tiền có thỏa thuận lãi suất là thực tế. Tuy nhiên, do bị đơn từ chối không đến Tòa án để làm việc nên không thể ghi nhận mức lãi suất các bên đã thỏa thuận là bao nhiêu. Đối với mức lãi suất mà nguyên đơn cho rằng 2%/tháng đây là lãi suất không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần tính lại theo quy định của pháp luật.

Lãi suất sẽ được tính cụ thể như sau:

- Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng, ngày vay là ngày 14/02/2018 dương lịch, số tiền lãi là:  $100.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 865 \text{ ngày} / 30 = 47.863.000 \text{ đồng}$ .
- Đối với số tiền vay 40.000.000 đồng, ngày vay là ngày 03/7/2017 dương lịch, số tiền lãi là:  $40.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 1.086 \text{ ngày} / 30 = 24.036.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền lãi là 71.899.000 đồng (Bảy mươi một triệu tám trăm chín mươi chín nghìn đồng). Tiền lãi đã trả trước là 29.600.000 đồng, số tiền lãi còn lại là 42.299.000 đồng (Bốn mươi hai triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Vũ Văn P, bà Vi Thị T đã nộp chi phí giám định 5.040.000 đồng. Do yêu cầu của ông P, bà T được chấp nhận nên bà H, ông Q phải trả cho ông P, bà T chi phí giám định nêu trên.

[5] **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 299; Điều 317, Điều 320, Điều 323, Điều 385, Điều 398, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn P, bà Vi Thị T.**

Buộc ông Trần Nho Q, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho ông Vũ Văn P, bà Vi Thị T số tiền đã vay gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi suất là 42.299.000 đồng, tổng cộng là **182.299.000 đồng** ( *Một trăm tám mươi hai triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

Về chi phí tố tụng: ông Q, bà H phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.040.000 đồng.

Về án phí: ông Trần Nho Q, bà Nguyễn Thị H phải chịu 9.114.000 đồng tiền án phí DSST ( theo mức: 182.299.000 đồng x 5%). Hoàn trả lại cho ông P, bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.048.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí 0005904 ngày 10/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (29/6/2020) ông Q, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

**\*Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- Các đương sự ;
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

( Đã ký)

**Nguyễn Thị Luyên**